

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN SẠCH VIỆT NAM

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN SẠCH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM CLEAN AGRICULTURAL MARKET DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AGMADE., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108587270

**3. Ngày thành lập:** 15/01/2019

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 208, Tầng 2 Khu thương mại dịch vụ Trung Văn 1, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác<br>Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống<br>Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) | 4620(Chính) |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0112        |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0113        |
| 4.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1030        |
| 5.  | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1072        |
| 6.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1073        |
| 7.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn<br>Chi tiết: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt<br>Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản<br>Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác                                                                                                                            | 1075        |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0161 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0163 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0240 |
| 13. | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0117 |
| 14. | Trồng cây điều                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0123 |
| 15. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0122 |
| 16. | Trồng cây chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0127 |
| 17. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0128 |
| 18. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1010 |
| 19. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1062 |
| 20. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1101 |
| 21. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1102 |
| 22. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1103 |
| 23. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1104 |
| 24. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5629 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6209 |
| 26. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6311 |
| 27. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác                                                                                                                                                               | 4632 |
| 28. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4711 |
| 29. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0121 |
| 30. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4719 |

|     |                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4721 |
| 32. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn trong các cửa hàng chuyên doanh                         | 4723 |
| 33. | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                   | 0311 |
| 34. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                  | 0321 |
| 35. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                   | 1020 |
| 36. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                           | 1040 |
| 37. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                       | 1050 |
| 38. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                               | 1061 |
| 39. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                              | 1074 |
| 40. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                            | 4631 |
| 41. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                          | 4781 |
| 42. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                      | 0118 |
| 43. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                      | 4633 |
| 44. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                                         | 0124 |
| 45. | Trồng cây cao su                                                                                                                                          | 0125 |
| 46. | Trồng cây cà phê                                                                                                                                          | 0126 |
| 47. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                                | 0312 |
| 48. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                               | 0322 |
| 49. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                             | 1071 |
| 50. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                          | 5610 |
| 51. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                     | 6201 |
| 52. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                       | 6202 |
| 53. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                            | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                               | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN AN VIỆT | Nhà A, Khu VL1, Khu Thương mại dịch vụ Trung Văn 1, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 9,000     | 0107956976                                                                                  |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 9,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ THỊ HẬU                                             | Nhà B14, Khu biệt thự 130 Đốc Ngữ, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 001159014078                                                                                |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM THỊ MAI HƯƠNG                                     | Số 20 ngõ 63/30, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 8,000     | 013188613                                                                                   |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 8,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | HÀ MẠNH HÙNG                                           | Số 10 Ngách 8 Ngõ 196 Cầu Giấy, Tổ 20, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 034083008574                                                                                |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | ĐÀO ĐÌNH CÂN                                           | Số 4 đường Rhinstrasse, quận Lichtenberg, Thành phố Berlin, Đức                                                    | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | N1499159                                                                                    |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 6   | SỸ DANH PHÚC                                           | P10-A10 Tập thể Nhà máy Ô tô 3-2, Đường Giải Phóng, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 3,000     | 012799826                                                                                   |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 3,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                        |                                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|    |                       |                                                                                                      |                   |         |               |        |              |  |
|----|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 7  | ĐINH THỊ THƯƠNG HUYỀN | 208 Nhà F5, Khu Đô Thị Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 25.000  | 250.000.000   | 5,000  | 013260012    |  |
|    |                       |                                                                                                      | Tổng số           | 25.000  | 250.000.000   | 5,000  |              |  |
|    |                       |                                                                                                      |                   |         |               |        |              |  |
| 8  | TRẦN VĂN MINH         | 223 ngách 183/37 Đặng Tiến Đông, tổ 18A, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000  | 100.000.000   | 2,000  | 035060001470 |  |
|    |                       |                                                                                                      | Tổng số           | 10.000  | 100.000.000   | 2,000  |              |  |
|    |                       |                                                                                                      |                   |         |               |        |              |  |
| 9  | ĐÀO NGỌC NAM          | Số 20 ngõ 63/30, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 190.000 | 1.900.000.000 | 38,000 | 013188614    |  |
|    |                       |                                                                                                      | Tổng số           | 190.000 | 1.900.000.000 | 38,000 |              |  |
|    |                       |                                                                                                      |                   |         |               |        |              |  |
| 10 | ĐÀO THỊ NGUYỄN HOA    | 30, tổ 10A Thanh Nhàn, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 25.000  | 250.000.000   | 5,000  | 001168012137 |  |
|    |                       |                                                                                                      | Tổng số           | 25.000  | 250.000.000   | 5,000  |              |  |
|    |                       |                                                                                                      |                   |         |               |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐÀO NGỌC NAM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 17/10/1977

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013188614

Ngày cấp: 20/06/2009

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20 ngõ 63/30, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 20 ngõ 63/30, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội